

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật

**Công trình: Di chuyển đường dây điện trong phạm vi GPMB**

**Dự án thành phần số 1: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ núi cóc và hạ du, tỉnh Thái Nguyên, thuộc Dự án sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước. Hạng mục: Di chuyển đường dây điện trung thế 22kv và hạ thế 0,4kv trong phạm vi GPMB**

### GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ văn bản số 3270/EVNNPC-PC+KH+TCKT ngày 08/7/2024 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về việc hướng dẫn thực hiện di chuyển các công trình điện theo hình thức nhận tiền bồi thường;*

*Căn cứ Quyết định số 1056/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND xã Tân Cương về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ di chuyển đường dây điện trung thế 22kV và 0,4kV trong phạm vi GPMB dự án thành phần số 1: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ Núi Cốc và hạ du, tỉnh Thái Nguyên, thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước;*

*Căn cứ biên bản thỏa thuận ngày 08/01/2026 giữa Công ty Điện lực Thái Nguyên và Chi nhánh trung tâm phát triển quý đất khu vực I về việc thỏa thuận phương án di chuyển đường điện phục vụ GPMB dự án: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ Núi Cốc và hạ du, tỉnh Thái Nguyên, thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước;*

*Căn cứ Báo cáo số 392/TTĐ ngày 05/02/2026 của phòng Quản lý đầu tư về việc báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình trên;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đầu tư.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Di chuyển đường dây điện trong phạm vi GPMB dự án thành phần số 1: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ núi cóc và hạ du, tỉnh Thái Nguyên, thuộc Dự án sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước. Hạng mục: Di chuyển đường dây điện trung thế 22kv và hạ thế 0,4kv trong phạm vi GPMB, với nội dung chính sau:

**1. Tên công trình:** Di chuyển đường dây điện trong phạm vi GPMB dự án thành phần số 1: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ núi cóc và hạ du, tỉnh Thái Nguyên, thuộc dự án sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước. Hạng mục: Di chuyển đường dây điện trung thế 22kv và hạ thế 0,4kv trong phạm vi GPMB.

**2. Địa điểm xây dựng:** Xã Tân Cương, tỉnh Thái Nguyên

**3. Chủ đầu tư:** Công ty Điện lực Thái Nguyên

**4. Đơn vị tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật:**

- Tên đơn vị: Công ty TNHH đầu tư thương mại và tư vấn xây dựng HN.

**5. Loại, cấp công trình, thời gian sử dụng theo thiết kế của công trình:**

- Loại công trình: Công trình năng lượng.

- Cấp công trình: cấp IV.

- Thời hạn sử dụng:  $\geq 20$  năm.

**6. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:**

**6.1. Mục tiêu đầu tư:**

- Di chuyển đường điện hiện trạng để giải phóng mặt bằng xây dựng phục vụ thi công xây dựng dự án thành phần số 1: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ Núi Cốc và hạ du, tỉnh Thái Nguyên, thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước.

**6.2. Quy mô xây dựng:**

- Xây dựng mới, cải tạo 170m đường dây trung thế 22kV sử dụng dây ACSR 50/8 và cáp ngầm đơn pha CU/XLPE/CWS/DATA/PVC-W 1x95mm<sup>2</sup>-12.7/22(24) kV.

- Xây dựng mới, cải tạo 159,5m đường dây hạ thế 0,4kV sử dụng dây vặn xoắn ABC4x95mm<sup>2</sup>, cáp ngầm CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC- 3x95+1x50-0,6/1kV và cáp ngầm CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC-3x35+1x16-0,6/1kV.

**7. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn và giải pháp thiết kế chính:**

**7.1. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:**

- TCN 26-1984: Khối lượng và tiêu chuẩn thử nghiệm, nghiệm thu và bàn giao các thiết bị điện;

- Quy phạm trang bị điện: Phần II - Hệ thống đường dẫn điện, 11TCN 19;

- Bộ tiêu chuẩn Việt Nam và IEC về các thiết bị điện;

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 2737:2023: Tải trọng và tác động;

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5574:2018 về Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7571-15:2019 về Thép hình cán nóng;

- TCVN 5847-2016: Tiêu chuẩn cột bê tông ly tâm;
- TCVN 4453-1995: Tiêu chuẩn kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;
- TCVN 5575-2024: Tiêu chuẩn kết cấu thép - tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5408:2007: Lớp phủ kẽm nhúng nóng trên bề mặt sản phẩm gang và thép - yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử;
- Nghị định số 56/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật điện lực về quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, đầu tư xây dựng dự án điện lực và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án kinh doanh điện lực;
- Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/03/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;
- Quyết định số 110/QĐ-HĐTV ngày 21/9/2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam quy định tiêu chuẩn kỹ thuật chống sét van 22, 35 và 110 kV;
- Quyết định số 112/QĐ-HĐTV ngày 21/9/2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam quy định tiêu chuẩn kỹ thuật cách điện đường dây điện áp 22, 35 và 110 kV;
- Quyết định số 114/QĐ-HĐTV ngày 21/9/2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Tiêu chuẩn kỹ thuật cáp ngầm trung áp và phụ kiện áp dụng trong Tập đoàn Điện lực quốc gia Việt Nam;
- Quyết định số 789/QĐ-EVN ngày 10/6/2025 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành quy định về công tác Đầu tư xây dựng trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Quyết định số 1356/QĐ-EVNNPC ngày 28/6/2025 về việc ban hành Quy trình an toàn điện của Tổng công ty Điện lực miền Bắc;
- Văn bản số 4978/EVNNPC-KT ngày 06/10/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về việc áp dụng YCKT lựa chọn dây bọc cách điện trung áp không màn chắn;
- Văn bản số 4979/EVNNPC-KT ngày 06/10/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về việc áp dụng YCKT lựa chọn dây nhôm lõi thép ACSR;
- Văn bản số 5779/EVNNPC-KT ngày 16/11/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về việc áp dụng YCKT lựa chọn cáp vặn xoắn hạ áp;
- Văn bản số 6212/EVNNPC-KT ngày 10/12/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về việc áp dụng YCKT lựa chọn cầu dao cách ly 3 pha 22kV.

## **7.2. Các giải pháp thiết kế chủ yếu:**

### **7.2.1. Đường dây 22kV:**

#### **7.2.1.1. Giải pháp thiết kế di chuyển:**

- Xây dựng mới 02 vị trí 10.1 và vị trí 11 Lộ 473E6.4 sử dụng 02 cột NPC.14-9.2, móng cột MK-4. Từ vị trí 10.1 đến vị trí 11 sử dụng cáp ngầm đơn pha CU/XLPE/CWS/DATA/PVC-W 1x95mm<sup>2</sup>-12.7/22(24) kV và các phụ kiện đi kèm. Dỡ nguyên 02 vị trí hiện trạng 10, 12. Tháo hạ dây dẫn ACSR 50/8 từ vị trí 10 đến vị trí 12. Hoàn trả trên không sử dụng lại dây dẫn ACSR 50/8 và từ vị trí 10 đến 10.1. Kéo mới dây dẫn ACSR 50/8 từ vị trí 11 mới tới vị trí 12.

#### **7.2.1.2. Giải pháp xây dựng:**

- Kiểu: Đường dây trên không và cáp ngầm.
- Số mạch: 01 mạch.
- Xà, giá: Toàn bộ xà giá được chế tạo bằng thép hình, mạ kẽm nhúng nóng theo TCVN 5408:2007.
- Cách điện: Cách điện đứng chất liệu gốm, được sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 7998-1, IEC 60383-1 hoặc các tiêu chuẩn tương đương; cách điện chuỗi thủy tinh sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 7998-2, IEC 60305, IEC 60471, IEC 60120, IEC 60383-2, IEC 60383-1 hoặc các tiêu chuẩn tương đương.
- Dây dẫn: Sử dụng dây ACSR 50/8 và cáp ngầm đơn pha CU/XLPE/CWS/DATA/PVC-W 1x95mm<sup>2</sup>-12.7/22(24) kV.
- Cột: Sử dụng cột bê tông ly tâm sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 5847:2016.
- Móng cột: Sử dụng móng bê tông có cốt thép đúc tại chỗ, được tính toán thiết kế đảm bảo các yêu cầu về cơ lý.
- Tiếp địa: Kiểu cọc tia hỗn hợp, chế tạo bằng thép hình, các chi tiết được mạ kẽm nhúng nóng theo TCVN 5408:2007.

### **7.2.2. Đường dây 0,4kV:**

#### **7.2.2.1. Giải pháp thiết kế di chuyển:**

\* Đoạn từ 1.9/1.4.2 đến cột 1.9/1.4

- Xây dựng mới 02 vị trí, VT 1.9/1.4.1 và VT 1.9/1.4.2 sử dụng cột bê tông ly tâm NPC.10-4.3. Từ vị trí 1.9/1.4.1 đến vị trí 1.9/1.4.2 sử dụng cáp ngầm CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC-3x35+1x16-0,6/1kV chôn trực tiếp trong đất. Hoàn trả từ vị trí 1.9/1.4.1 đến vị trí 1.9/1.4 sử dụng dây vắn xoắn ABC4x95mm<sup>2</sup>.

\* Đoạn từ 1.9/1.5 đến cột 1.9/1.6

- Hoàn trả từ vị trí 1.9/1.5 hiện trạng đến vị trí 10.1 lộ đường dây 473E6.4 sử dụng dây vắn xoắn ABC4x95mm<sup>2</sup>. Từ Vị trí 10.1 lộ đường dây 473E6.4 đến vị trí 11 lộ đường dây 473E6.4 sử dụng cáp ngầm CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC-3x95+1x50-0,6/1kV. Từ vị trí 11 lộ đường dây 473E6.4 tới vị trí 1.9/1.6 hiện trạng sử dụng dây vắn xoắn ABC4x95mm<sup>2</sup>.

#### **7.2.2.2. Giải pháp xây dựng:**

- Kiểu: Đường dây trên không và cáp ngầm.
- Gông cột, phụ kiện: Chế tạo bằng thép hình, mạ kẽm nhúng nóng theo TCVN 5408:2007.
- Dây dẫn: Sử dụng dây cáp vắn xoắn ABC 4x95mm, cáp ngầm CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC-3x35+1x16-0,6/1kV; CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC-3x95+1x50-0,6/1kV.
- Cột điện: Sử dụng cột bê tông ly tâm sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 5847:2016.
- Móng cột: Sử dụng móng bê tông không cốt thép đúc tại chỗ, được tính toán thiết kế đảm bảo các yêu cầu về cơ lý.
- Tiếp địa lặp lại: Kiểu cọc tia hỗn hợp, chế tạo bằng thép hình, được mạ kẽm nhúng nóng theo TCVN 5408:2007.

### **7.2.3. Giải pháp thu hồi:**

- Tháo hạ, thu hồi vật tư cũ, bàn giao theo quy định.
- Vị trí 11 Lộ 473E6.4 không thu hồi cột cũ do cột đang có đèn chiếu sáng đô thị đi chung.

\* Các nội dung khác theo hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật.

### 7.3. Tiêu chuẩn kỹ thuật vật tư, thiết bị:

- Tiêu chuẩn kỹ thuật, vật tư thiết bị tuân thủ theo qui định hiện hành và các văn bản hướng dẫn của EVN và Tổng công ty Điện lực miền Bắc.

### 8. Tổng giá trị dự toán xây dựng công trình:

TT	Hạng mục chi phí	Giá trị trước thuế (đồng)	Thuế GTGT (đồng)	Giá trị sau thuế (đồng)
1	Chi phí xây dựng	980.914.415	78.473.153	1.059.387.568
2	Chi phí thiết bị	30.250.000	2.420.000	32.670.000
3	Chi phí QLDA	28.773.694	-	28.773.694
4	Chi phí tư vấn ĐTXD	41.454.107	3.316.328	44.770.435
5	Chi phí khác	41.972.732	2.716.343	44.689.075
6	Chi phí dự phòng	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.123.364.948</b>	<b>86.925.824</b>	<b>1.210.290.772</b>

(Có phụ lục dự toán chi tiết kèm theo)

**9. Tiến độ thực hiện công trình:** Thực hiện trong quý I/2026.

**10. Nguồn vốn:** Vốn đền bù giải phóng mặt bằng.

**11. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:** Công ty Điện lực Thái Nguyên trực tiếp tổ chức quản lý dự án.

**12. Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:** Triển khai khi tổ chức thực hiện dự án theo quy định của Nhà nước.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:** Giao phòng Kế hoạch - Vật tư chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo của công trình tuân thủ các quy định hiện hành và đảm bảo tiến độ được giao.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Phòng Kế hoạch - Vật tư, phòng Tài chính - Kế toán và các đơn vị liên quan thuộc Công ty Điện lực Thái Nguyên căn cứ chức năng nhiệm vụ thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc PCTN;
- Lưu: VT, QLDT.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Phúc Thịnh**